

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án Số: 410/2020/HC-PT
Ngày: 21/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Hoàng Minh Thịnh

2/ Ông Trần Văn Mười

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 557/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo kháng cáo:

1/ Nguyễn Xuân L, sinh năm 1971 tại Hà Tĩnh. Nơi cư trú: khu phố 5, phường M, thành phố N, Ninh Thuận; nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH xây dựng Tân G, trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân D (chết) và Nguyễn Thị L; có vợ Trần Thị H và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 03/10/2017 (Có mặt).

2/ Trần Thị N1, sinh năm: 1971 tại Nghệ An. Nơi cư trú: Quán Thở 3, xã M, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị B; có chồng Phạm Văn K và 04 người con; tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 09/9/2017 (Có mặt).

3/ Nguyễn Văn T1 (C), sinh năm 1953 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường M, thành phố N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); có vợ là Nguyễn Thị D

(chết) và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 08/9/2017 (Có mặt).

4/ Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1969 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Quán Thở 3, xã M, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị P, có vợ Trần Thị N và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 09/9/2017 (Có mặt).

5/ Trần Thị T (T), sinh năm 1976 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Lạc Nghiệp 1, xã M, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đ (chết) và bà Lê Thị M (chết); có chồng là Nguyễn H (chết) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

6/ Lê Văn K, sinh năm: 1987 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Lạc Sơn 2, xã M, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm biển; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ Đặng Thị Kim L và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

7/ Nguyễn Thành D, sinh năm 1983 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: thôn Lương Cang 1, xã M, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành C (chết) và bà Võ Thị Hồng N; có vợ Trần Thị N và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 06/12/2017 (Có mặt).

Các bị cáo không có kháng cáo:

1/ Trần Thị N2 (Có mặt)

2/ Bị cáo Nguyễn Thị Anh K (Có mặt)

Người bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư Hoàng Doãn Đức, Đoàn LS Tp.Hà Nội bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Xuân L và Trần Thị N3 (Có mặt)

Luật sư Trần Thị Hồng Việt, Đoàn LS Tp.HCM bào chữa cho bị cáo Trần Thị T (Có mặt)

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố 5, P.M, Tp.N, Ninh Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà:

Ông Nguyễn Công L (Có mặt)

2/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Duy H, Phó Giám đốc Chi nhánh (Có mặt)

Những người làm chứng:

1/ Ông Đỗ Sỹ T, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 88, thôn 11, xã M, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1994

Địa chỉ: Kp.5, P.M, Tp.N, tỉnh Ninh Thuận.

3/ Anh Trần Hữu Đ, sinh năm 1999

Địa chỉ: Lạc Sơn 03, xã M, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

4/ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Kp.15, thị trấn M, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

5/ Ông Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1968

Địa chỉ: Lạc Nghiệp 2, xã M, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 08/9/2017, Công an huyện Thuận Nam tuần tra kiểm soát tại QL1A thuộc địa bàn thôn Văn Lâm 3, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T1, sinh năm 1953, cư trú tại: khu phố 2, phường M, thành phố N, tỉnh Ninh Thuận đang điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Attila màu đỏ biển kiểm soát 85B1-18576 vận chuyển 36 kg thuốc nổ để bán cho đối tượng Lê Văn K, sinh năm 1987 ở thôn Lạc Sơn 2, xã M, huyện TN. Đến 18h30 cùng ngày, Công an huyện Thuận Nam tiếp tục phát hiện bắt quả tang Trần Thị N3 đang điều khiển xe máy hiệu Future biển kiểm soát 85E1-02177 vận chuyển 05kg thuốc nổ để bán cho Nguyễn Văn T1 tại địa điểm khu vực phía tây đồng muối Quán Thẻ thuộc thôn Quán Thẻ 3, xã Phước Minh.

Ngày 09/9/2017, Công an huyện Thuận Nam khám xét khẩn cấp chỗ ở các đối tượng liên quan trên địa bàn thôn Quán Thẻ 3, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, gồm: tại nhà ở của Trần Thị N3 phát hiện, thu giữ 03kg thuốc nổ; tại nhà của Trần Thị N1 phát hiện, thu giữ 254kg thuốc nổ; tại nhà của Trần Thị N2 phát hiện, thu giữ 232kg thuốc nổ.

Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau :

Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T1:

Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2016 đến tháng 9/2017, Nguyễn Văn T1 đã trực tiếp mua tổng cộng 153,8kg thuốc nổ của vợ chồng Nguyễn Thành D, Trần Thị N2 và vợ chồng Nguyễn Văn T2, Trần Thị N3. Cụ thể:

Từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2017, Nguyễn Văn T1 mua thuốc nổ của vợ chồng Nguyễn Thành D và Trần Thị N2 tổng cộng 07 lần với số lượng là 62,8kg thuốc nổ, cụ thể: Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2016, T1 mua của D 05 lần - 12,8kg thuốc nổ (lần 1: 01kg giá 180.000đồng; lần 2: 01kg giá 160.000đồng; lần 3: 0,8kg giá 150.000đồng; lần 4: 05 kg giá 200.000đồng; lần 5: 05 kg giá 200.000đồng (riêng lần 4 và 5 Nguyễn Thành D không thừa nhận đã bán cho T)).

Từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2017, T1 tiếp tục mua của D 02 lần-20kg thuốc nổ (mỗi lần 10kg), giá 200.000đ/01kg.

Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2017, T1 còn giao dịch mua thuốc nổ của Trần Thị N2 2 lần, tổng cộng 30kg (Số thuốc nổ này do D trộm cắp của Công ty TNHH Tân G đem về để cho N2 bán), cụ thể: lần 1: 10kg với giá 200.000đồng/01kg, địa điểm giao hàng tại khu vực gần Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận và lần 2: khoảng 20kg nhưng lần này T1 không bán được nên yêu cầu Nguyễn Thị Anh K chở 20kg thuốc nổ trả lại cho N2 tại bến xe Bus Phan Rang và sau đó N2 chở số thuốc nổ trên về để tại nhà riêng ở khu phố 5, Phường M và gọi điện cho D về lấy số thuốc nổ đó vứt xuống sông Dinh.

Ngoài ra, Nguyễn Văn T1 khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến 08/9/2017, T1 cùng với Nguyễn Thị Anh K đã mua bán với Nguyễn Văn T2 và Trần Thị N3 tổng cộng 17 lần tổng cộng 132 kg thuốc nổ, trong đó: 5 lần T vào nhà N1-T2 lấy thuốc nổ, 02 lần T2 giao thuốc nổ tại cây xăng cầu Đạo Long 1 và cây xăng gần cầu Quán Thê; 08 lần T1 thuê Nguyễn Thị Anh K liên hệ N3 lấy và giao thuốc nổ cho người mua; 01 lần T2 trực tiếp giao 25kg thuốc nổ cho T1 tại Chợ Mương Cát vào ngày 07/9/2017; 01 lần khác T2 giao 11kg thuốc nổ cho Nguyễn Thị Anh K tại Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước.

Tuy nhiên, Nguyễn Văn T2 và Trần Thị N3 chỉ thừa nhận đã bán cho Nguyễn Văn T1 11 lần, tổng cộng 91kg thuốc nổ với giá từ 190.000đồng/kg. (Riêng lần bán thứ 9, 10, 11 với số lượng 41 kg trị giá 7.790.000đồng, T1 chưa giao tiền cho T2 và N3).

Toàn bộ số thuốc nổ mà Nguyễn Văn T1 mua của vợ chồng Nguyễn Văn T2, Trần Thị N3, Nguyễn Thành D, Trần Thị N2, T1 khai nhận đã trực tiếp hoặc thuê Nguyễn Thị Anh K vận chuyển vào Cà Ná, Thuận Nam bán lại cho Lê Văn K 9 lần

với số lượng 101kg (trong đó: có 08 lần bán trót lọt, tổng cộng 65kg; 01 lần đang vận chuyển 36kg bị phát hiện, bắt quả tang).

Tuy nhiên, bị can Lê Văn K chỉ thừa nhận mua của T1 06 lần số lượng 57kg thuốc nổ, trong đó có 05 lần mua bán 37kg, riêng ngày 08/9/2017 Lê Văn K chỉ thừa nhận đã thỏa thuận mua bán 20kg trên điện thoại với T1 nhưng chưa nhận được thuốc nổ thì công an huyện Thuận Nam phát hiện bắt giữ T1 đang vận chuyển 36kg thuốc nổ như đã nêu trên. Cụ thể, T1 trực tiếp giao bán cho Lê Văn K 03 lần số lượng 35kg thuốc nổ; Thuê Nguyễn Thị Anh K chở đi giao bán 03 lần, tổng cộng 22kg thuốc nổ. T1 trả tiền công cho Nguyễn Thị Anh K 200.000đồng/chuyến.

Đồng thời, T1 còn bán cho Trần Thị T tổng cộng 58kg thuốc nổ với giá 280.000đồng/kg. Cụ thể:

Trần Thị T không trực tiếp đi nhận mà đã thuê Nguyễn Văn H là người chạy taxi nhận thay 05 lần số lượng 40kg, Trần Hữu Đ chạy xe ôm nhận thay 02 lần số lượng 8kg, Lê Văn K nhận thay 02 lần số lượng 10kg, sau đó Trần Thị T trả tiền công vận chuyển. (Nguyễn Văn H, Trần Hữu Đ, Lê Văn K cũng không biết hàng vận chuyển là thuốc nổ). Mặc dù Trần Thị T không thừa nhận hành vi mua bán thuốc nổ của mình, Trần Thị T chỉ khai nhận tháng 7/2016 có mua thuốc nổ của T1 02 lần số lượng 10kg (mỗi lần 05 kg) với giá 280.000đồng/kg và bán cho các đối tượng ở Cà Ná với giá 400.000đồng/kg, như vậy Trần Thị T thu lợi bất chính số tiền là 1.200.000đồng.

Tổng số thuốc nổ T đã mua của các đối tượng trên là 153,8kg, với giá từ 150.000đồng đến 200.000đồng/kg và bán lại với giá 280.000đồng/kg, như vậy sau khi bán T đã thu lợi bất chính 9.480.000đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T2.

Trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến ngày 8/9/2017, Nguyễn Văn T2 cùng vợ là Trần Thị N3 đã giao dịch mua bán thuốc nổ với Nguyễn Văn T1 và Trần Thị T tổng cộng 13 lần với số lượng 111kg thuốc nổ, cụ thể:

Bán cho Nguyễn Văn T1 11 lần, với số lượng là 91kg thuốc nổ với giá 190.000đồng/kg. (Riêng lần bán thứ 9, 10, 11 với số lượng 41kg, T1 chưa giao số tiền: 7.790.000đồng cho T2 và N3). Thu lợi bất chính 9.500.000đồng.

Bán cho Trần Thị T 02 lần số lượng 20kg, mỗi lần 10kg với giá 200.000đồng/kg, (số lượng thuốc nổ này do Nguyễn Văn H đi lấy giao cho Trần Thị T) (Riêng lần bán thứ 2 với số lượng 10kg, Trần Thị T chưa giao số tiền: 2.000.000đồng cho T2 và N3). Thu lợi bất chính 2.000.000đồng. Tổng số lượng thuốc nổ T2, N3 bán cho T1 và Trần Thị T là 111kg, thu lợi bất chính 11.500.000đồng.

Trong quá trình điều tra ban đầu, T2 khai số thuốc nổ này vợ chồng T2, N3 mua của Trần Thị N2 với giá 100.000đồng/kg, nhưng sau đó T2 lại khai nhận thuốc nổ vợ chồng T2 bán cho T1, Trần Thị T lấy trộm từ nhà Trần Thị N2.

Hành vi phạm tội của Trần Thị N3.

Trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến ngày 8/9/2017, N3 khai nhận đã lấy trộm thuốc nổ từ nhà của Trần Thị N2 và cùng chồng là Nguyễn Văn T2 đã giao dịch mua bán thuốc nổ với Nguyễn Văn T1 và Trần Thị T tổng cộng 13 lần với số lượng 111kg thuốc nổ. Cụ thể:

Bán cho Nguyễn Văn T1 11 lần, với số lượng là 91kg thuốc nổ với giá 190.000đồng/kg. (Riêng lần bán thứ 9, 10, 11 với số lượng 41kg, T1 chưa giao số tiền: 7.790.000đồng cho T2 và N3). Thu lợi bất chính 9.500.000đồng.

Bán cho Trần Thị T 02 lần số lượng 20kg, (mỗi lần 10kg) với giá 200.000đồng/kg, số lượng thuốc nổ này do Nguyễn Văn H đi lấy giao cho Trần Thị T. (Riêng lần bán thứ 2 với số lượng 10kg, Trần Thị T chưa giao số tiền: 2.000.000đồng cho T2 và N3), thu lợi bất chính 2.000.000đồng. Trong đó, N1 trực tiếp giao bán 06 lần số lượng 35kg thuốc nổ. Ngoài ra, Trần Thị N3 còn tàng trữ trái phép tại nhà 03kg thuốc nổ.

Tổng số lượng thuốc nổ mà Trần Thị N3 và cùng chồng là Nguyễn Văn T2 bán cho T1 và Trần Thị T là 13 lần với số lượng 114kg, thu lợi bất chính 11.500.000đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thành D:

Duy là chồng của Trần Thị N2. D biết công ty TNHH Tân G do Nguyễn Xuân L làm giám đốc có thuốc nổ để sử dụng thi công các tuyến đường nên D đã lấy trộm cắp thuốc nổ để bán cho Nguyễn Văn T1. Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 5 năm 2017, D đã bán cho Nguyễn Văn T1 tổng cộng 52,8kg thuốc nổ, cụ thể :

Tháng 4 năm 2016 với số lượng là 2.8kg (lần 1: 1kg giá 180.000đồng; lần 2: 1kg giá 160.000đồng; lần 3: 0,8kg giá 150.000đồng); Từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2017, Nguyễn Thành D bán cho Nguyễn Văn T1 50kg. Trong đó, D trực tiếp bán cho ông T1 02 lần với số lượng là 20kg, mỗi lần 10kg với giá là 200.000đồng/kg. Ngoài ra D lấy trộm 30kg để Nụ đi bán cho ông T1 (trong đó có 20kg trả lại vì bị hư hỏng). Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 4.460.000đồng.

Ngoài ra quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 khai vào khoảng tháng 6 và 7 năm 2016, T1 đã 02 lần mua 10kg thuốc nổ của D nhưng D không thừa nhận nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý đối với D về những lần mua bán này.

Hành vi phạm tội của Trần Thị N2:

Trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, N2 đã trực tiếp bán cho ông Nguyễn Văn T1 02 lần với số lượng thuốc nổ là 30kg với giá 200.000đồng/kg. (số lượng thuốc nổ này do chồng của N2 là Nguyễn Thành D lấy trộm từ Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân G; trong đó có 20kg ông T1 trả lại vì bị hư hỏng), thu lợi bất chính 2.000.000đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Anh K:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2017, Nguyễn Thị Anh K khai nhận: được Nguyễn Văn T1 thuê liên hệ mua với Nguyễn Văn T2 và Trần Thị N3 để vận chuyển thuốc nổ bán cho Lê Văn K và Trần Thị T 8 lần, tổng cộng 50kg thuốc nổ, mỗi lần vận chuyển giao bán thuốc nổ cho T1 được trả công 200.000đồng/chuyến với số tiền công là 1.600.000đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Văn T2 và Trần Thị N3 chỉ thừa nhận đã bán cho Nguyễn Thị Anh K tổng cộng 5 lần với số lượng 30kg thuốc nổ nên chỉ có cơ sở để truy cứu trách nhiệm đối với Nguyễn Thị Anh K đồng phạm cùng với Nguyễn Văn T1 về hành vi mua bán 5 lần với số lượng 30kg thuốc nổ, thu lợi bất chính 1.000.000đồng. Sau đó, Nguyễn Thị Anh K vận chuyển giao cho Lê Văn K 3 lần số lượng 22kg thuốc nổ, vận chuyển giao bán cho Trần Thị T 2 lần số lượng 8kg thuốc nổ, (người nhận thuốc nổ thay cho Trần Thị T là Trần Hữu Đ).

Hành vi phạm tội của Lê Văn K:

Trong khoảng tháng 7/2017, K liên hệ mua thuốc nổ của Nguyễn Văn T1 06 lần với số lượng là 57kg thuốc nổ, giá 300.000đồng. Trong đó có 05 lần mua bán 37kg, riêng ngày 08/9/2017, Lê Văn K chỉ thừa nhận đã thỏa thuận mua bán 20kg trên điện thoại với T1 nhưng chưa nhận được thuốc nổ thì công an huyện Thuận Nam phát hiện bắt giữ T1 đang vận chuyển 36kg thuốc nổ như đã nêu trên. Trong đó Lê Văn K trực tiếp mua của Nguyễn Văn T1 03 lần số lượng 35kg thuốc nổ; mua của Nguyễn Thị Anh K 03 lần, tổng cộng 22kg thuốc nổ. Sau đó, K bán lại cho số ngư dân tại địa phương với giá là 480.000đồng/kg hưởng lợi là 180.000đồng/kg. Tổng số tiền Lê Văn K thu lợi bất chính là 6.660.000đồng.

Cũng trong khoảng thời gian vào trước tháng 7/2016, Lê Văn K đã chở thuê cho Trần Thị T 02 lần số lượng 10kg thuốc nổ. Số thuốc nổ này, Trần Thị T mua của Nguyễn Văn T1, sau đó điện thoại cho Lê Văn K đến nhận hàng và giao cho Trần Thị T, Số tiền vận chuyển Trần Thị T trả cho K là 400.000đồng. Do lúc này Lê Văn K không biết số hàng chở cho T1 là thuốc nổ nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý là có cơ sở.

Hành vi phạm tội của Trần Thị T:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2016 đến khoảng tháng 8 năm 2017, Trần Thị T có mua bán tổng cộng 78kg thuốc nổ với giá 280.000đồng/kg. Cụ thể: Trần Thị T liên hệ với Nguyễn Văn T1 mua 9 lần với số lượng 58kg thuốc nổ; mua Nguyễn Văn T2 02 lần số lượng 20kg thuốc nổ nhưng Trần Thị T không trực tiếp đi nhận mà đã thuê Nguyễn Văn H là người chạy taxi nhận thay 07 lần số lượng 60kg, Trần Hữu Đ chạy xe ôm nhận thay 02 lần số lượng 8kg, Lê Văn K nhận thay 02 lần số lượng 10kg, sau đó Trần Thị T trả tiền công vận chuyển. Mặc dù Trần Thị T không thừa nhận hành vi mua bán thuốc nổ của mình, Trần Thị T chỉ khai nhận tháng 7/2016 có mua thuốc nổ của T1 02 lần số lượng 10kg (mỗi lần 5kg) với giá 280.000đồng/kg.

Qua khai thác các lời khai của các đối tượng mua, bán, vận chuyển thuê cho Trần Thị T như Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Anh K, Nguyễn Văn T2, Trần Thị N3 (người bán thuốc nổ cho Trần Thị T); Lê Văn K, Trần Hữu Đ và Nguyễn Văn H (người vận chuyển) đều thừa nhận mua bán và vận chuyển, nhận hàng và giao hàng và thường xuyên điện thoại trao đổi với Trần Thị T có nhật ký điện thoại do VNPT cung cấp. Trên cơ sở những chứng cứ do Cơ quan ANĐT điều tra thu thập đủ căn cứ để chứng minh Trần Thị T có mua bán tổng cộng 78kg thuốc nổ với giá 280.000đồng/kg.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra chỉ chứng minh được Trần thị T bán lại 10 kg cho các đối tượng ở Cà Ná với giá 400.000đồng/kg, như vậy Trần Thị T thu lợi bất chính số tiền là 1.200.000đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Xuân L:

Lâm là giám đốc công ty TNHH xây dựng Tân G, Cty này được cấp giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp được Sở Công thương tỉnh Ninh Thuận và Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Tỉnh Ninh Thuận cấp các loại giấy chứng nhận, giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp để thi công các tuyến đường Phước Đại – Phước Tân huyện Bác Ái. Ngày 30/8/2017 Nguyễn Xuân L đã liên hệ mua 600kg thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương tại kho vật liệu nổ công nghiệp Lợi Hải – Thuận Bắc tỉnh Ninh Thuận của Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng thuộc Bộ quốc phòng. Sau khi mua về L chỉ sử dụng hết 114kg thuốc nổ. Số thuốc nổ còn lại là 486kg, Nguyễn Xuân L đã sử dụng xe bán tải nhãn hiệu Isuzu,biển kiểm soát 85C-00676 đã vận chuyển trái phép từ công trường thi công tuyến Phước Đại – Phước Tân thuộc huyện Bác Ái đến gửi ở nhà Trần Thị N1 ở thôn Quán Thê 3, xã M, huyện TN với mục đích là cất để dành thi công công trình.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Xuân L buông lỏng quản lý để người khác lợi dụng lén lút lấy thuốc nổ ra ngoài bán thu lợi bất chính.

Hành vi phạm tội của Trần Thị N1:

Vào ngày 30/8/2017, Nguyễn Xuân L đã sử dụng xe bán tải nhãn hiệu Isuzu, biển kiểm soát 85C-00676 vận chuyển 486kg thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương, đến gửi tại nhà Trần Thị N1 với mục đích là để cất để dành thi công công trình. N1 biết rõ số lượng hàng L gửi là thuốc nổ nhưng vẫn đồng ý tàng trữ trái phép số thuốc nổ trên. N1 cất giấu tại nhà N1 số lượng 254kg thuốc nổ. Ngày 01/9/2017, biết nhà Trần Thị N2 là em gái cách nhà N1 khoảng 12m không có người sử dụng, đóng cửa để không chìa khóa do mẹ của N1 đang giữ, N1 sang mượn chìa khóa nhà, sau đó N1 đã dùng xe đạp điện của con gái mình vận chuyển 232kg còn lại sang nhà Trần Thị N2 để cất. Khi khám xét khẩn cấp, Công an huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận phát hiện và thu giữ tại nhà N1 là 254kg thuốc nổ, tại nhà N2 là 232kg thuốc nổ.

Tại bản kết luận giám định số 3092/C54B ngày 11/9/2017 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định giám định của cơ quan cảnh sát điều tra vào ngày 10/9/2017 có nội dung::

Xác định các mẫu vật gửi giám định là thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương, thành phần chính là Amoni Nitrat (NH_4NO_3), thường dùng để phá đá, mở đường.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 209/KL-VPYT ngày 07/5/2018 của Hội đồng giám định pháp y – Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa, xác định:

Tại thời điểm gây án, đương sự Trần Thị N3 bị hạn chế năng lực và điều khiển hành vi; Hiện nay, đương sự chưa đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Ngày 08/5/2018, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can Trần Thị N3, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, khi nào bị can N3 phục hồi bệnh lý sẽ tiếp tục xem xét xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội “vận chuyển trái phép vật liệu nổ”; bị cáo Trần Thị N1 phạm tội “tàng trữ trái phép vật liệu nổ”, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Trần Thị T, Lê Văn K, Nguyễn Thành D, Trần Thị N2 và Nguyễn Thị Anh K phạm tội “mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 17 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2017.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trần Thị N1 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2017.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2017; Xử phạt bị cáo Trần Thị T 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Văn K 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành hành án; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trần Thị N2 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Anh K 02 năm tù. Thời hạn tính từ ngày 04/10/2017.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán, vận chuyển thuốc nổ để sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau: Nguyễn Văn T1 nộp 9.480.000đồng, Nguyễn Thị Anh K nộp 1.000.000đồng, Nguyễn Văn T2 nộp 11.500.000đồng, Nguyễn Thành D nộp 4.460.000đồng, Trần Thị N2 nộp 2.000.000đồng, Trần Thị T nộp 1.200.000đồng và Lê Văn K nộp 6.660.000đồng.

Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận: 530kg thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương hiện đang gửi tại Kho vật liệu nổ của Tổng công ty kinh tế kỹ thuật quốc phòng – Bộ quốc phòng tại xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân L: 1 xe ô tô hiệu Isuzu, màu xám, biển kiểm soát: 85C-00676, số máy: JB2290, số khung: TFS85HBH545931 của Công ty

TNHH xây dựng Tân G (thuộc công ty một thành viên) hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2018 giữa Công an tỉnh Ninh Thuận và Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H: 1 điện thoại di động hiệu Nokia, RH-130, màu hồng. Số Sêri: 355195059896976, có gắn 01 thẻ sim số: 0913184303.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản sau:

01 (một) xe máy Future, màu nâu, biển kiểm soát: 85E1-02177, số máy: JC53E-004787; số khung: 5309CY-004655 của bị can Nguyễn Văn T1.

01 (một) điện thoại di động Oppo F1s màu vàng đồng. Số Emei: 863897039490250, có 2 gắn thẻ sim thuê bao: 01295889209 và 0981423487 của Nguyễn Văn T1.

01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy Ace (CT – S5830i) màu đen. Số Emei: 355836055887507, có gắn thẻ sim thuê bao: 0917394882 của Nguyễn Văn T.

01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy J1 (SM – 5100H) màu trắng. Số Emei: 354467071100476, có 2 gắn thẻ sim thuê bao: 0971631088 và 0916078498 của Trần Thị N1.

01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy On7(SM – G600FX) màu vàng. Số EMEI: 358692070296225, có 2 gắn thẻ sim thuê bao: 01698601752 và 0981296976 của Trần Thị N3.

01 (một) điện thoại di động SamSung (GT – E1200Y) màu trắng. Số Emei: 359831/06/922740/8, có gắn thẻ sim số: 01255420747 của Nguyễn Thị Anh K.

01 (một) điện thoại di động Oppo F3 màu vàng đồng, số IMEI1: 865251033573414, IMEI2: 865251033573406, số sê ri: NRGY5906DUIFZPRK, gắn 02 (hai) thẻ sim số 0933595685 và 0918824095 của Nguyễn Xuân L.

01 (một) điện thoại di động FPT Buk10; IMEI 1: 980018006690503; IMEI 2: 980018006721100, có gắn 01 thẻ sim số: 01662651875 của Nguyễn Thành D.

01 (một) điện thoại di động Nokia 1280, màu đen; số IMEI: 352431105167096210, bên trong có gắn thẻ sim: 0912142391 của Trần Thị T.

Hiện các vật chứng đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2018 giữa Công an tỉnh Ninh Thuận và Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị N1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Thị T, Lê Văn K, Nguyễn Thành D, Trần Thị N2 và Nguyễn Thị Anh K, mỗi bị cáo chịu số tiền 200.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/8/201 và ngày 04/9/2018, các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị N1, Trần Thị T làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Các bị cáo bị xử oan, xin được xem lại tội danh và mức hình phạt.

Ngày 04/9/2018, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Lê Văn K, Nguyễn Thành D làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Mức án sơ thẩm quá nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân đã thấy được sai phạm, xin giảm nhẹ mức án.

Ngày 30/8/2018, bà Trần Thị H (vợ bị cáo L) đang quản lý Cty TNHH xây dựng Tân G và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh NT, làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Xin được xem xét tạo điều kiện để giải quyết phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến Cty TNHH xây dựng Tân G đang phát sinh trong quá trình xảy ra vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Xuân L cho rằng, bị cáo mua nhũ tương và vận chuyển nhũ tương có giấy phép của cơ quan nhà nước để làm đường giao thông nông thôn, ngày 30/8/2017 do trời mưa to nên không sử dụng hết nhũ tương, sợ để ở công trường mưa ướt bị hư và chiều tối sợ bị mất cắp nhũ tương nên bị cáo có chở nhũ tương về nhà cất chờ sáng mai sử dụng tiếp, nghi ngờ bị cáo đem nhũ tương đi bán nên Công an đến bắt khám xét thì số lượng nhũ tương vẫn còn nguyên không bị hư hỏng, mất mát. Sự thật bị cáo là doanh nghiệp các hoạt động đều theo quy định của pháp luật nên xin được xem xét lại tội danh vận chuyển trái phép vật liệu nổ và mức hình phạt 17 năm tù giam là oan cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thị N1 cho rằng, bị cáo L là em rể của bị cáo, hôm đó L có đến gọi hàng nói là sợ mưa ướt, bị cáo không biết hàng gì và cũng không làm nghề xây dựng nên không biết quy định gì, nay xử bị cáo 15 năm tù giam là oan cho bị cáo, thời gian tạm giam đến nay sức khỏe bị cáo đã sa sút trầm trọng, hiện bị cáo bị bệnh tiểu đường biến chứng, nên xin HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại cho bị cáo.

Luật sư Hoàng Doãn Đức bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L và bị cáo Trần Thị N2 cho rằng, về thủ tục tố tụng bị cáo L và bị cáo N1 không liên quan gì

đến việc mua bán vật liệu nổ của các bị cáo khác trong vụ án, Cơ quan điều tra nhập vụ án đối với bị cáo L, N1 vào chung vụ án này là chưa đúng quy định của pháp luật, về nội dung thì hành vi của bị cáo L và bị cáo N1 thuộc trường hợp tình thế cấp thiết do nhiều lý do khách quan nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, việc xét xử hai bị cáo về tội vận chuyển và tàng trữ vật liệu nổ là chưa có căn cứ thuyết phục, nay kính đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại cho bị cáo L và bị cáo N1.

Bị cáo Trần Thị T cho rằng, các bị cáo khác khai bị cáo có tham gia mua bán số lượng 78kg nhũ tương là không đúng vì tang vật không có và thời gian này bị cáo đang ở Tp.Hồ Chí Minh không có ở Ninh Thuận, bị cáo có trình bày nhưng cơ quan điều tra không xác minh là oan cho bị cáo, xin được xem xét lại tội trạng.

Luật sư Trần Thị Hồng Việt bào chữa cho bị cáo Trần Thị T cho rằng, chất nhũ tương không phải là vật liệu nổ theo quy định của Bộ luật Hình sự, bị cáo Trần Thị T không có hành vi mua bán vật liệu nổ, Cơ quan điều tra đã không xác minh thời điểm xảy ra vụ việc bị cáo đang ở Tp.HCM không có mặt tại Ninh Thuận, án sơ thẩm xử bị cáo Trần Thị T về tội mua bán vật liệu nổ là chưa đúng quy định, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, xin HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại cho bị cáo Trần Thị T.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 cho rằng, bị cáo xin được giảm án vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân tuổi cao sức khỏe yếu, bệnh tật, mức án sơ thẩm quá nặng.

Bị cáo Nguyễn Văn T2 cho rằng, bị cáo có vợ là Trần Thị N3 cũng là bị can trong vụ án hiện đang bị tâm thần đang ở trại tâm thần Biên Hòa, các con còn nhỏ không ai chăm sóc, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được giảm nhẹ mức án.

Bị cáo Lê Văn K cho rằng, bị cáo đang bị thương tật ở chân, đi lại rất khó khăn, vợ bị cáo sắp sinh con thứ tư nên gánh nặng càng khó khăn hơn cho bị cáo, xin HĐXX chiếu cố giảm nhẹ mức án.

Bị cáo Nguyễn Thành D cho rằng, mức án sơ thẩm quá nặng, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bản thân bị cáo thật thà khai báo, ăn năng hối hận, xin được giảm nhẹ mức án.

Bị cáo Trần Thị N2 cho rằng, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 3 năm tù giam, nay không có ý kiến gì.

Đại diện Cty TNHH Tân Giang đề nghị được xem xét tạo điều kiện để giải quyết phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến Cty TNHH xây dựng Tân G đang phát sinh trong quá trình xảy ra vụ án.

Đại diện VKS nhân dân cấp cao tại Tp.HCM phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ Luật tố tụng Hình sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã xem xét đến tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét đến hoàn cảnh nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ hợp pháp, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của các bị cáo L, N1 và Trần Thị T, cũng như không đồng ý với yêu cầu kháng cáo xin giảm án của các bị cáo T1, T2, K, D. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe bị cáo, đương sự trình bày, nghe vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, nghe Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị N1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Trần Thị T, Lê Văn K, Nguyễn Thành D làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Căn cứ bản án sơ thẩm thể hiện nội dung như:

Khoảng 18giờ ngày 08/9/2017 tại Quốc lộ 1A thuộc thôn Văn Lâm, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, Công an huyện Thuận Nam bắt quả tang Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số 85B1 – 185.76 đang vận chuyển 36kg chất dẻo nghi là chất nổ.

Đến 18giờ 30phút cùng ngày tại đường vào khu tây đồng muối Quán Thử 3, Phước Minh, huyện Thuận Nam, Công an huyện Thuận Nam bắt quả tang Trần Thị N3 điều khiển xe mô tô biển số 85E1 – 021.77 vận chuyển 5kg chất dẻo nghi thuốc nổ đi tiêu thụ.

Quá trình điều tra xác định, tang vật trên do T1 mua nhiều lần của vợ chồng Nguyễn Thành D, Trần Thị N2 và mua của vợ chồng Nguyễn Văn T2, Trần Thị N3, sau đó T1 nhiều lần bán lại cho Nguyễn Thị Anh K, Lê Văn K, Trần Thị T.

Theo lời khai của D, N2, T2, N1 số tang vật bán cho T1 là do trộm cắp được từ Cty TNHH xây dựng Tân G.

Mở rộng điều tra xác định, Nguyễn Xuân L là giám đốc Cty TNHH xây dựng Tân G, tỉnh Ninh Thuận, được Sở Cảnh sát PCCC cấp giấy phép vận chuyển vật

liệu nổ mua từ Cty Công nghiệp Bộ Quốc phòng tại huyện Thuận Bắc, Ninh Thuận về công trường của L tại Phước Đại, Phước Tân, huyện Bác Ái, Ninh Thuận để sử dụng làm công trình đường bộ, phá đá mở đường.

Ngày 30/8/2017 L được cấp phép vận chuyển 600kg nhũ tương và 20 kíp nổ từ Thuận Bắc về Phước Tân, Bác Ái, để phục vụ công trình đường bộ, phá đá mở đường. Trong ngày đó L sử dụng được 114kg nhũ tương và dùng hết 20 kíp nổ, còn lại 486kg nhũ tương chưa sử dụng hết. L khai do trời mưa to nên công trình bị dừng lại, số nhũ tương còn dư không có nơi cất giữ, nên L dùng xe ô tô bán tải được cấp phép chở về nhà chị vợ là Trần Thị N1 ở thôn Quán Thẻ, xã M, huyện TN, Ninh Thuận giữ dùm, cơ quan điều tra đã thu giữ được toàn bộ số tang vật này.

Căn cứ Quyết định Trưng cầu giám định số 122 ngày 10/9/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Nam, có nội dung:

Đối tượng gửi giám định gồm: 50gam chất dẻo màu vàng nghi vật liệu nổ được chiết xuất từ vật chứng bắt quả tang Nguyễn Văn T1 (ký hiệu số 1); 50gam chất dẻo màu vàng nghi vật liệu nổ được chiết xuất từ vật chứng bắt quả tang Trần Thị N3 (ký hiệu số 2); 50gam chất dẻo màu vàng nghi vật liệu nổ được chiết xuất từ vật chứng khi khám xét chỗ ở của Trần Thị N3 (ký hiệu số 3); 50gam chất dẻo màu vàng nghi vật liệu nổ được chiết xuất từ vật chứng khi khám xét chỗ ở của Trần Thị N1 (ký hiệu số 4); 50gam chất dẻo màu vàng nghi vật liệu nổ được chiết xuất từ vật chứng khi khám xét chỗ ở của Trần Thị N2 (ký hiệu số 5).

Yêu cầu giám định: Các mẫu vật gửi giám định là gì? Có phải là thuốc nổ hay không? Nếu là thuốc nổ thì là loại gì? Được sử dụng vào công việc gì? Tính năng?

Căn cứ Kết luận giám định số 3029/C54B ngày 11/9/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp.Hồ Chí Minh thuộc Tổng Cục Cảnh sát Bộ Công an, có nội dung:

Chất dạng dẻo màu vàng (ký hiệu từ số 1 đến số 5) gửi giám định có chứa thành phần chính là Amoni Nitrat (NH_4NO_3) và chất làm dẻo.

Kết luận: Chất dạng dẻo, màu vàng (ký hiệu từ số 1 đến số 5) gửi giám định là thuốc nổ nhũ tương. Thuốc nổ nhũ tương là loại thuốc nổ công nghiệp thường được dùng để phá đá, mở đường.

[2.2] Các quy định của pháp luật liên quan đến hành vi của các bị cáo như sau:

Theo Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 16/2011/UBTVQH 12 ban hành ngày 30/6/2011 quy định:

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Vật liệu nổ: Gồm thuốc nổ và các phụ kiện nổ.

Vật liệu nổ quân dụng: Là vật liệu nổ sử dụng cho mục đích ANQP.

Vật liệu nổ công nghiệp: Là vật liệu nổ sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, kinh tế, dân sinh.

Theo Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 09/VBHN- VPQH ngày 23/7/2014, quy định như sau:

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Vật liệu nổ: Gồm thuốc nổ và các phụ kiện nổ.

Vật liệu nổ quân dụng: Là vật liệu nổ sử dụng cho mục đích ANQP.

Vật liệu nổ công nghiệp: Là vật liệu nổ sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, kinh tế, dân sinh.

Tiền chất thuốc nổ: Là hóa chất trực tiếp dùng để sản xuất thuốc nổ được quy định trong danh mục tiền chất thuốc nổ do Chính phủ ban hành.

Theo Phụ lục danh mục tiền chất thuốc nổ (Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ), quy định:

STT	Tên tiền chất thuốc nổ	Công thức phân tử	Mã CAS
1	Amoni nitrat	NH_4NO_3	6484-52-2
2	Nitrometan	CH_3NO_2	75-52-5
3	Natri nitrat	$NaNO_3$	7631-99-4
4	Kali nitrat	KNO_3	96193-83-8
5	Natri clorat	$NaClO_3$	9011-92-1
6	Kali clorat	$KClO_3$	3811-04-9
7	Kali perclorat	$KClO_4$	7778-74-7

Theo Điều 3 Luật số 14/2017/QH về quản lý sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, quy định:

Tiền chất thuốc nổ: Là hóa chất nguy hiểm, trực tiếp dùng để sản xuất thuốc nổ. (Luật này có hiệu lực ngày 01/7/2018 nên không áp dụng cho trường hợp vụ án này xảy ra 30/8/2017).

[2.3] Những căn cứ bổ sung ở giai đoạn phúc thẩm:

Căn cứ Văn bản số 1897/CV-TA ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh, có nội dung:

Đề nghị Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Tp.Hồ Chí Minh cho biết một số nội dung liên quan đến kết luận giám định như sau: Mẫu vật gửi giám định theo kết luận giám định thì thành phần chính là Amoni Nitrat (NH_4NO_3), mẫu vật này có phải là “Tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại Phụ lục danh mục tiền

chất thuốc nổ (Ban hành kèm Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ) hay không ? Chất làm dẻo chứa trong mẫu vật gửi giám định có tỉ lệ khối lượng là bao nhiêu ?

Căn cứ Văn bản số 75/CV/C09B ngày 08/01/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp.HCM, Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, có nội dung trả lời:

Trong Kết luận giám định số 3092/C54B ngày 11/9/2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Tp.HCM đã trả lời cụ thể: Chất dạng dẻo, màu vàng (ký hiệu từ số 1 đến số 5) gửi giám định là thuốc nổ nhũ tương. Thuốc nổ nhũ tương là loại thuốc nổ công nghiệp thường được dùng để phá đá, mở đường.

[2.4] Từ những nội dung, các chứng cứ được thu thập, đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan có cơ sở xác định:

Tại thời điểm xảy ra vụ án là tháng 8/2017, nên áp dụng theo các quy định của pháp luật như sau:

1/ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 09/VBHN- VPQH ngày 23/7/2014.

2/ Phụ lục danh mục tiền chất thuốc nổ (Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ).

3/ Nghị định 163/2013/NĐ-CP 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ.

4/ Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Theo Phụ lục danh mục tiền chất thuốc nổ ban hành kèm Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ thì Amoni Nitrat (NH_4NO_3) được xác định là tiền chất thuốc nổ. Như vậy Amoni Nitrat (NH_4NO_3) là tiền chất thuốc nổ.

Theo Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về “Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ”, BLHS năm 1999 không quy định đối với tiền chất thuốc nổ.

Tại Điều 3 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 09/VBHN- VPQH ngày 23/7/2014, quy định: “Vật liệu nổ gồm: thuốc nổ và các phụ kiện nổ” còn “Tiền chất thuốc nổ là hóa chất trực tiếp dùng để sản xuất thuốc nổ được quy định trong danh mục tiền chất thuốc nổ do Chính phủ ban hành”.

Theo Nghị định 163/2013/NĐ-CP 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, tiền chất thuốc nổ như sau:

Khoản 5, khoản 6 Điều 33 quy định hành vi vi phạm hành chính về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, Phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 50.000.000đồng đối với một trong các hành vi: Cho tổ chức, cá nhân khác gửi vật liệu nổ công nghiệp hoặc thuê kho chứa vật liệu nổ công nghiệp nhưng không có hợp đồng hoặc văn bản hợp lệ. Phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 70.000.000đồng đối với hành vi: Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại địa điểm hoặc kho chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Khoản 5 Điều 34 quy định về hành vi vi phạm hành chính về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: Phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 50.000.000đồng đối với hành vi: Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không đúng tuyến đường quy định trong giấy phép vận chuyển.

Khoản 1, khoản 6 Điều 35 quy định về kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: Phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng đối hành vi: Mua, bán vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không ký kết hợp đồng. Phạt tiền từ 80.000.000đồng đến 100.000.000đồng đối với hành vi: Bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức không có giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Kết luận giám định và Văn bản trả lời của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp.HCM, Viện Khoa học hình sự Bộ Công an ghi: Chất dạng dẻo, màu vàng (ký hiệu từ số 1 đến số 5) gửi giám định là thuốc nổ nhũ tương. Thuốc nổ nhũ tương là loại thuốc nổ công nghiệp thường được dùng để phá đá, mở đường.

Kết luận và Văn bản trả lời nêu trên mâu thuẫn với Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ số 09/VBHN- VPQH ngày 23/7/2014 và Phụ lục danh mục tiền chất thuốc nổ (Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ) quy định: Amoni nitrat NH_4NO_3 là tiền chất thuốc nổ, không phải là thuốc nổ.

Theo kết luận giám định thì mẫu vật giám định được xác định có chứa thành phần gồm: Amoni nitrat NH_4NO_3 và chất làm dẻo, nhưng chưa xác định cụ thể tỉ lệ khối lượng Amoni nitrat NH_4NO_3 là bao nhiêu và tỉ lệ khối lượng chất làm dẻo là bao nhiêu, để quy kết chính xác trách nhiệm, nên cần thiết phải thực hiện việc trung cầu giám định ở cấp cao hơn hoặc ở cơ quan giám định khác theo Luật giám định tư pháp.

Ngoài ra, bị cáo L khai giấy phép vận chuyển được cấp vào ngày 30/8/2017 thời hạn cấp vận chuyển trong ngày, hôm đó trời mưa nên công trường không thể hoạt động hết thuốc nổ do đó chỉ sử dụng được 114kg còn lại là 486kg, do không thể đi ngoài trời mưa nên bị cáo chở về nhà của N3 (là chị vợ của bị cáo L) để cất giữ, chờ sáng sử dụng tiếp, vấn đề này cũng chưa được Cơ quan điều tra, xác minh làm rõ về lý do thời tiết ngày hôm đó.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị T khai thời gian xảy ra vụ việc bị cáo không có mặt tại Ninh Thuận mà sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan điều tra đã không thực hiện việc xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến thời gian cư trú của bị cáo nêu trên là chưa phù hợp với Bộ Luật tố tụng Hình sự.

Do có nhiều thiếu sót trong áp dụng pháp luật, trong điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án cấp phúc thẩm không có điều kiện để thực hiện việc bổ sung xác minh, thu thập chứng cứ, nên cần thiết hủy án sơ thẩm để cấp sơ thẩm để điều tra, thu thập chứng cứ và trưng cầu giám định lại theo luật định.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do hủy án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ Luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Chuyển hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận để giải quyết theo quy định của pháp luật.

2/ Tiếp tục tạm giam các bị cáo đang có lệnh tạm giam cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận thụ lý lại hồ sơ vụ án.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại TP.HCM.
- TAND tỉnh Ninh Thuận.
- VKSND tỉnh Ninh Thuận.
- Công an tỉnh Ninh Thuận.
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận.
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận.
- Trại tạm giam tỉnh Ninh Thuận.
- Bị cáo.
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN